



**Tổng Công ty Phát điện 3 –
Công ty Cổ phần và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012

Quyết định thành lập do Bộ Công Thương cấp.

Giấy chứng nhận
Đăng ký doanh nghiệp số 3502208399 ngày 26 tháng 11 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp mới nhất là giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 1 năm 2020.

Hội Đồng Quản Trị

Ông Đinh Quốc Lâm	Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 1 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Lê	Chủ tịch (đến ngày 31 tháng 10 năm 2019)
Ông Trương Quốc Phúc	Thành viên
Ông Đỗ Mộng Hùng	Thành viên
Ông Lê Văn Danh	Thành viên (từ ngày 15 tháng 1 năm 2020)
Ông Nguyễn Minh Khoa	Thành viên (từ ngày 15 tháng 1 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Danh	Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 1 năm 2020)
Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 1 năm 2020)
Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 1 năm 2020)
Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

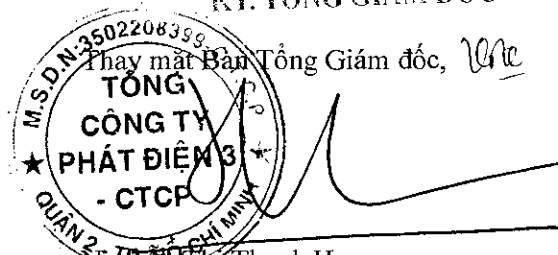
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 54 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) các điều chỉnh liên quan đến việc điều chỉnh lại số liệu so sánh mô tả trong Thuyết minh 32 của báo cáo tài chính đã được thực hiện hợp lý; và
- (c) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm này.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Các cổ đông Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 6 đến trang 54.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý đến các thuyết minh sau trong báo cáo tài chính hợp nhất:

❖ Thuyết minh 3(b)(ii) và 3(b)(iii).

- Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 150/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 2018 (“Nghị quyết 150”).

Theo hướng dẫn của Nghị quyết 150, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động. Hướng dẫn của nghị quyết này có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”). Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(ii) của báo cáo tài chính hợp nhất

- Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo hướng dẫn tại Điều 21 nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (“Nghị định 126”). Theo đó, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) theo dõi và xử lý theo qui định, thay vì vào “Doanh thu hoạt động tài chính” hoặc “Chi phí tài chính”.

Hướng dẫn của Nghị định 126 có sự khác biệt so với Thông tư 200. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(iii) của báo cáo tài chính hợp nhất.

- ❖ Thuyết minh 32 trình bày các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 đã được điều chỉnh lại.



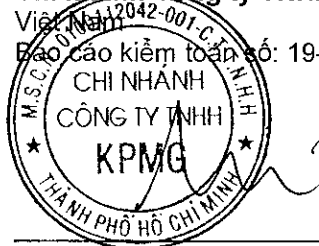
Các vấn đề khác

Chúng tôi tiến hành kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 54. Thông tin bổ sung tại trang 55 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính hợp nhất và không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00317-20-3



Nelson Rodríguez Casihan
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		19.160.580.084.849	18.657.040.929.623
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.901.217.252.835	2.492.402.081.429
Tiền	111		366.567.252.835	1.416.502.081.429
Các khoản tương đương tiền	112		2.534.650.000.000	1.075.900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.260.650.000.000	3.953.820.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	4.260.650.000.000	3.953.820.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		8.937.780.141.979	9.240.025.455.652
Phải thu của khách hàng	131	7	8.031.263.223.803	8.691.459.614.971
Trả trước cho người bán	132		180.323.225.048	128.818.263.821
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	727.045.534.281	420.599.418.013
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(851.841.153)	(851.841.153)
Hàng tồn kho	140	9	2.987.518.268.707	2.903.548.394.905
Hàng tồn kho	141		2.989.669.336.778	2.903.834.001.848
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.151.068.071)	(285.606.943)
Tài sản ngắn hạn khác	150		73.414.421.328	67.244.997.637
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.068.450.113	32.402.999.301
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		64.830.690.231	32.581.406.696
Thuế phải thu Nhà nước	153	14(b)	2.515.280.984	2.260.591.640

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		55.818.470.188.971	59.059.608.138.815
Phải thu dài hạn	210		3.314.424.000	3.549.424.000
Phải thu dài hạn khác	216		3.314.424.000	3.549.424.000
Tài sản cố định	220		52.326.723.629.267	53.856.992.760.491
Tài sản cố định hữu hình	221	10	52.228.931.533.754	53.769.066.685.575
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>113.091.086.031.465</i>	<i>109.876.984.867.644</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(60.862.154.497.711)</i>	<i>(56.107.918.182.069)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	11	97.792.095.513	87.926.074.916
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>125.268.812.108</i>	<i>109.661.849.291</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(27.476.716.595)</i>	<i>(21.735.774.375)</i>
Tài sản dở dang dài hạn	240		143.564.801.613	2.661.060.467.182
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	143.564.801.613	2.661.060.467.182
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	2.002.225.789.277	1.908.187.930.769
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.465.388.607.889	1.385.352.444.441
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		536.837.181.388	536.837.181.388
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(14.001.695.060)
Tài sản dài hạn khác	260		1.342.641.544.814	629.817.556.373
Chi phí trả trước dài hạn	261		398.369.693.063	120.706.619.611
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	26.606.710.591
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		944.271.851.751	482.504.226.171
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		74.979.050.273.820	77.716.649.068.438

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		62.913.740.240.040	67.447.581.603.027
Nợ ngắn hạn	310		11.728.457.210.048	11.397.482.450.724
Phải trả người bán	311	13	4.260.446.036.627	3.864.809.168.154
Người mua trả tiền trước	312		103.636.000	103.636.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14(a)	367.773.630.563	328.547.327.437
Phải trả người lao động	314		316.188.483.821	102.294.632.728
Chi phí phải trả	315		128.049.958.418	52.102.756.457
Doanh thu chưa thực hiện	318		16.010.207.364	15.944.744.132
Phải trả khác	319	15	1.081.711.584.031	1.171.811.074.073
Vay ngắn hạn	320	16(a)	5.373.362.414.031	5.473.408.154.411
Dự phòng ngắn hạn	321		-	133.033.552.953
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		184.811.259.193	255.427.404.379
Nợ dài hạn	330		51.185.283.029.992	56.050.099.152.303
Doanh thu chưa thực hiện	336		363.797.151.279	378.955.365.915
Vay dài hạn	338	16(b)	50.821.485.878.713	55.671.143.786.388
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.065.310.033.780	10.269.067.465.411
Vốn chủ sở hữu	410	17	12.065.310.033.780	10.269.067.465.411
Vốn cổ phần	411	18	10.699.695.770.000	10.699.695.770.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.014.917.945	6.014.917.945
Vốn khác của chủ sở hữu	414		45.439.387.466	18.876.854.562
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	19	-	(922.067.392.780)
Quỹ đầu tư phát triển	418		141.871.395.148	134.210.488.996
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15.868.253.443	15.939.926.044
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		789.411.067.537	(20.046.414.799)
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(68.180.500.192)	853.491.634.889
- LNST chưa phân phối/(lỗ) năm nay	421b		857.591.567.729	(873.538.049.688)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		367.009.242.241	336.443.315.443
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		74.979.050.273.820	77.716.649.068.438

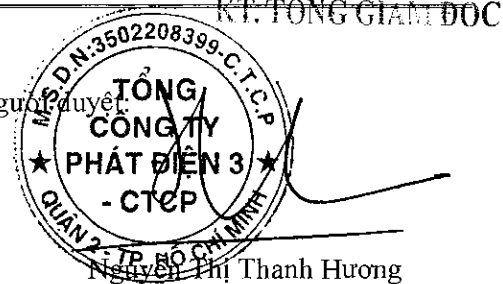
Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Vũ Thị Thanh Hải
 Người lập biểu

Người duyệt:

Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	Năm	Giai đoạn
	số	minh	kết thúc	từ 1/10/2018
			31/12/2019	đến 31/12/2018
			VND	VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	44.117.182.872.044	10.047.930.226.021
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	39.105.572.138.741	8.809.853.242.137
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		5.011.610.733.303	1.238.076.983.884
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	345.830.369.050	83.785.001.348
Chi phí tài chính	22	25	3.712.498.107.861	1.949.906.094.139
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>2.719.469.297.945</i>	<i>699.539.293.509</i>
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	24	6(b)	114.761.163.448	26.984.730.311
Chi phí bán hàng	25		152.916.843	31.684.721
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	544.034.333.968	139.156.246.216
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		1.215.516.907.129	(740.247.309.533)
Thu nhập khác	31		22.391.924.363	38.592.912.146
Chi phí khác	32		49.187.565.239	34.355.305.077
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(26.795.640.876)	4.237.607.069
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.188.721.266.253	(736.009.702.464)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	258.023.851.648	144.128.554.766
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	28	26.606.710.591	(26.606.710.591)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		904.090.704.014	(853.531.546.639)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60	904.090.704.014	(853.531.546.639)
Phân bổ:			
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của công ty mẹ	61	857.591.567.729	(873.538.049.688)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	46.499.136.285	20.006.503.049
Lỗ trên cổ phiếu			
Lợi nhuận/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70 28	802	(816)

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Vũ Thị Thanh Hải
 Người lập biểu

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Người duyệt:



Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		1.188.721.266.253	(736.009.702.464)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		4.786.782.687.093	1.158.307.954.529
Các khoản dự phòng	03		(12.136.233.932)	45.826.326.632
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		964.626.767.715	1.227.158.793.591
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(312.103.168.277)	(69.023.454.275)
Lãi được chia từ công ty liên kết	05		(114.761.163.448)	(26.984.730.311)
Chuyển xây dựng cơ bản dở dang vào chi phí	05		44.653.292.999	-
Chi phí lãi vay	06		2.719.469.297.945	699.539.293.509
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.265.252.746.348	2.298.814.481.211
Biến động các khoản phải thu	09		(6.577.589.932.381)	(1.424.275.378.073)
Biến động hàng tồn kho	10		(675.519.143.015)	(36.202.068.359)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		568.768.008.264	518.838.852.296
Biến động chi phí trả trước	12		74.937.662.943	24.502.053.677
			2.655.849.342.159	1.381.677.940.752
Tiền lãi vay đã trả	14		(407.836.807.273)	(128.158.988.948)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(171.036.992.528)	(10.266.543.316)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		36.780.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(90.203.784.686)	(11.828.704.584)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		1.986.808.537.672	1.231.423.703.904

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.147.636.178.683)	(1.809.671.206.244)
Tiền thu từ điều chuyển và thanh lý tài sản cố định	22		58.695.007.577	-
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		(1.607.650.000.000)	(3.921.820.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		1.300.820.000.000	1.381.320.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		329.042.097.945	62.821.694.465
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(1.066.729.073.161)	(4.287.349.511.779)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả lại vốn góp cho chủ sở hữu	32		-	(221.350.148.719)
Tiền thu từ đi vay	33		1.286.559.989.743	1.586.899.285.954
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.778.904.594.776)	(305.856.073.050)
Tiền trả cổ tức cho các cổ đông không kiểm soát	36		(18.922.238.020)	(25.638.647.529)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(511.266.843.053)	1.034.054.416.656
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		408.812.621.458	(2.021.871.391.219)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		2.492.402.081.429	4.514.277.821.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.549.948	(4.349.057)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	2.901.217.252.835	2.492.402.081.429

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Người lập:

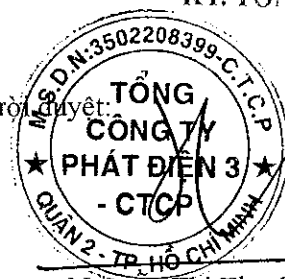


Vũ Thị Thanh Hải
 Người lập biểu

Người duyệt:



Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014, Bộ Công Thương quyết định cổ phần hóa Công ty Mẹ-Tổng Công ty Phát điện 3.

Theo quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3.

Tổng Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là PGV theo quyết định số 114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 1 năm 2020. Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần bắt đầu hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 2 công ty con (1/1/2019: 2 công ty con).

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3;
- Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân; Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình; và
- Văn phòng Tổng Công ty.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		31/12/2019	1/1/2019
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Sản xuất điện, sản xuất sản phẩm hóa chất, sửa chữa và lắp đặt thiết bị điện và các dịch vụ khác có liên quan.	54,76%	54,76%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Sản xuất kinh doanh điện năng, quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện và các sản phẩm dịch vụ có liên quan khác.	79,56%	79,56%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Nhóm Công ty có 2.761 nhân viên (1/1/2019: 2.765 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Giai đoạn từ 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kỳ kế toán năm đầu tiên của Tổng Công ty phát điện 3 – Công ty Cổ phần. Kỳ kế toán tiếp theo của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Tổng Công ty chuyển đổi theo tỷ giá bán ra (bằng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-CDKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm (“Công văn 1779”) và Công văn số 4891/EVN-TCKT ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính cho năm 2019 (“Công văn 4891”).

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 150/2018/NQ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 2018 (“Nghị quyết 150”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động. Hướng dẫn của Nghị quyết 150 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính sẽ giảm và lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty sẽ tăng cùng một khoản là 922.067.392.780 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018: chi phí tài chính sẽ tăng và lợi nhuận trước thuế sẽ giảm cùng một khoản là 121.939.976.041 VND), chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu”, và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (giả định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ không thay đổi (1/1/2019: lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 922.067.392.780 VND).

(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (“Nghị định 126”) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) theo đổi và xử lý theo quy định.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo Thông tư 200 thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ không thay đổi (giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018: lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 1.401.755.252.988 VND).

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận trực tiếp.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Bản quyền chuyển giao công nghệ

Bản quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa được hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Nhóm Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản do Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ/năm trước.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ/năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là các bên liên quan.

(s) Lãi trên cổ phiếu (EPS)

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trong năm Nhóm Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.890.784.100	2.912.617.687
Tiền gửi ngân hàng	364.676.468.735	1.413.589.463.742
Các khoản tương đương tiền	2.534.650.000.000	1.075.900.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.901.217.252.835	2.492.402.081.429

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tuần đến 3 tháng tại ngân hàng với lãi suất được hưởng đối với tiền gửi có kỳ hạn 1 tuần là 0,8% một năm và tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng từ 4,7% đến 5,4% một năm (giai đoạn từ 1/10/2018 đến ngày 31/12/2018: lãi suất của tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng từ 4,7% - 5,5% một năm).

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến 12 tháng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất được hưởng là từ 5,5% đến 7,1% một năm (giai đoạn từ ngày 1/10/2018 đến ngày 31/12/2018: 4,8% - 7,2% một năm).

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

Biến động đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Số dư đầu năm	1.385.352.444.441	1.386.942.714.130
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	114.761.163.448	26.984.730.311
Chia cổ tức	(34.725.000.000)	(28.575.000.000)
Số dư cuối năm	1.465.388.607.889	1.385.352.444.441

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		% sở hữu	31/12/2019				% sở hữu	1/1/2019		
			Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND			Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết										
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	(i)	30,00%	308.783.687.183	455.295.000.000	-	30,00%	279.877.226.103	476.250.000.000	-	
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	(ii)	30,55%	976.925.637.942	1.386.372.856.000	-	30,55%	928.345.577.277	1.055.533.879.000	-	
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	(iii)	30,00%	179.679.282.764	(*)	-	30,00%	177.129.641.061	(*)	-	
			1.465.388.607.889		-	1.385.352.444.441			-	

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 03 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 04 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 01 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.
- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị này tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng tài sản	11.596.288.212.657	9.913.782.260.407
Tổng công nợ	6.751.822.655.620	5.480.917.796.001
Tài sản thuần	4.844.465.557.037	4.475.085.560.197
Phần tài sản thuần trong các công ty liên kết	1.465.388.607.889	1.385.352.444.441
	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Doanh thu	994.241.151.427	264.870.199.092
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	379.621.877.796	89.446.141.616
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	114.761.163.448	26.984.730.311

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Số dư đầu năm (Hoàn nhập)/tăng	14.001.695.060 (14.001.695.060)	3.483.263.880 10.518.431.180
Số dư cuối năm	-	14.001.695.060

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2019				1/1/2019			
	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác								
▪ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	2,47%	83.022.592.000	154.189.568.000	-	2,47%	83.022.592.000	175.199.232.000	-
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	15,00%	74.463.661.588	(*)	-	15,00%	74.463.661.588	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,63%	19.600.000.000	(*)	-	0,63%	19.600.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	1,8%	114.770.927.800	117.970.927.800	-	1,8%	114.770.927.800	109.899.232.740	4.871.695.060
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1,6%	108.730.000.000	134.600.000.000	-	1,6%	108.730.000.000	99.600.000.000	9.130.000.000
▪ Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn	19,89%	83.750.000.000	(*)	-	19,89%	83.750.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	6,43%	50.000.000.000	(*)	-	6,43%	50.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt Điện Miền Bắc	1,1%	2.500.000.000	(*)	-	1,4%	2.500.000.000	(*)	-
		536.837.181.388		-		536.837.181.388	(*)	14.001.695.060

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị này tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện	7.822.111.492.770	8.584.371.458.958
Công ty Nhiệt điện Thái Bình	61.789.068.119	35.093.793.900
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	120.260.587.334	54.824.844.800
Các bên liên quan khác	21.714.965.484	82.140.145
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	5.387.110.096	17.087.377.168
	8.031.263.223.803	8.691.459.614.971

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.772.071.287	15.256.171.287
Dự án nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng	171.636.851.711	146.187.229.278
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	211.554.444.964	107.765.015.778
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN	67.966.368.944	-
Cổ tức được chia	56.228.790.000	52.984.728.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh)	25.029.396.590	-
Ban Quản lý Dự án Nhiệt Điện Thái Bình	9.705.597.521	10.307.578.223
Bên liên quan khác	7.660.691.439	7.468.387.981
Bên thứ ba		
Lãi tiền gửi phải thu	60.191.234.073	45.865.017.432
Phải thu bảo hiểm	52.123.989.823	420.028.226
Phải thu khác	49.176.097.929	34.345.261.808
	727.045.534.281	420.599.418.013

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	41.172.723.087	-	2.289.837.243	-
Nguyên vật liệu	2.817.029.591.302	(2.151.068.071)	2.813.283.077.995	(285.606.943)
Công cụ và dụng cụ	109.349.349.139	-	83.063.188.397	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.605.117.071	-	4.565.535.210	-
Thành phẩm	512.556.179	-	632.363.003	-
	2.989.669.336.778	(2.151.068.071)	2.903.834.001.848	(285.606.943)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho có biến động trong năm như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Số dư đầu năm	285.606.943	124.721.551
Tăng dự phòng trong năm	1.865.741.671	160.885.392
Hoàn nhập	(280.543)	-
Số dư cuối năm	2.151.068.071	285.606.943

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	18.474.722.817.181	84.671.035.088.552	6.578.031.416.896	152.142.526.589	1.053.018.426	109.876.984.867.644
Tăng trong năm	2.832.669.386	60.625.784.192	2.830.636.696	31.756.285.197	-	98.045.375.471
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	777.973.876.293	1.166.925.152.150	138.545.260.929	25.937.724.307	2.569.909.922	2.111.951.923.601
Điều chỉnh theo quyết toán (Thuyết minh 12)	458.016.379.424	568.280.433.030	(310.889.229)	-	-	1.025.985.923.225
Điều chỉnh khác	(1.642.464.049)	2.953.914.634	-	-	-	1.311.450.585
Phân loại lại	673.222.742.813	(688.583.273.640)	-	-	15.360.530.827	-
Thanh lý	-	(1.635.469.253)	(1.549.955.196)	(99.477.950)	-	(3.284.902.399)
Xóa sổ	-	(19.908.606.662)	-	-	-	(19.908.606.662)
Số dư cuối năm	20.385.126.021.048	85.759.693.023.003	6.717.546.470.096	209.737.058.143	18.983.459.175	113.091.086.031.465
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.142.050.161.930	46.886.125.914.380	2.965.621.320.043	113.106.071.421	1.014.714.295	56.107.918.182.069
Khấu hao trong năm	696.655.650.260	3.750.257.888.626	312.182.180.959	21.143.697.301	802.327.727	4.781.041.744.873
Điều chỉnh khác	(5.403.589.770)	2.121.329.174	(329.659.574)	-	-	(3.611.920.170)
Phân loại lại	164.746.895.168	(168.320.340.850)	-	-	3.573.445.682	-
Thanh lý	-	(1.635.469.253)	(1.549.955.196)	(99.477.950)	-	(3.284.902.399)
Xóa sổ	-	(19.908.606.662)	-	-	-	(19.908.606.662)
Số dư cuối năm	6.998.049.117.588	50.448.640.715.415	3.275.923.886.232	134.150.290.772	5.390.487.704	60.862.154.497.711
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	12.332.672.655.251	37.784.909.174.172	3.612.410.096.853	39.036.455.168	38.304.131	53.769.066.685.575
Số dư cuối năm	13.387.076.903.460	35.311.052.307.588	3.441.622.583.864	75.586.767.371	13.592.971.471	52.228.931.533.754

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 29.436 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 32.628 tỷ VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 23.396 tỷ VND (1/1/2019: 1.857 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng công ty (Thuyết minh 16(b)).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền chuyển giao công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	76.165.829.664	16.179.748.658	4.025.390.148	13.290.880.821	109.661.849.291
Tăng trong năm	-	3.632.588.817	4.828.886.000	484.000.000	8.945.474.817
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	6.661.488.000	-	-	6.661.488.000
Số dư cuối năm	76.165.829.664	26.473.825.475	8.854.276.148	13.774.880.821	125.268.812.108
Khấu hao trong năm					
Số dư đầu năm	12.480.231.285	5.408.477.078	3.810.571.101	36.494.911	21.735.774.375
Khấu hao trong năm	1.161.517.452	2.334.065.055	889.046.258	1.356.313.455	5.740.942.220
Số dư cuối năm	13.641.748.737	7.742.542.133	4.699.617.359	1.392.808.366	27.476.716.595
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	63.685.598.379	10.771.271.580	214.819.047	13.254.385.910	87.926.074.916
Số dư cuối năm	62.524.080.927	18.731.283.342	4.154.658.789	12.382.072.455	97.792.095.513

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 8 tỷ VND (1/1/2019: 8 tỷ VND) không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 8 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 8 tỷ VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	2.661.060.467.182	2.477.612.095.809
Tăng trong năm do mua mới	1.063.260.696.526	339.909.929.374
Chi phí lãi vay vốn hóa	17.736.766.528	6.056.765.400
Chuyển từ hàng tồn kho	127.916.182.505	(335.748.162)
Giảm do quyết toán (Thuyết minh 10)	(1.025.985.923.225)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(2.111.951.923.601)	(127.860.710.743)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	(6.661.488.000)	(2.552.429.342)
Chuyển sang chi phí trả trước	(326.266.187.207)	-
Chuyển sang bên khác (*)	(83.508.612.476)	-
Chuyển sang chi phí	(44.653.292.999)	-
Giá trị các công trình sửa chữa lớn được quyết toán	(119.222.953.535)	-
Các biến động khác	(8.158.930.085)	(31.769.435.154)
Số dư cuối năm	143.564.801.613	2.661.060.467.182

(*) Liên quan đến việc điều chuyển tài sản từ Tổng Công ty sang Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và quyết toán chi phí san gạt mặt bằng cho Tổng Công ty Điện lực TKV – Công ty Cổ phần.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại
Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2	51.267.180.711	8.066.079.120
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	31.005.033.746	148.924.891.353
Cảng than Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	14.569.448.039	383.746.615.607
Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	11.928.505.106	666.446.239.405
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1	-	1.221.295.137.450
Khác	34.794.634.011	232.581.504.247
Tổng cộng	143.564.801.613	2.661.060.467.182

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.069.801.058	1.311.294.219
Các bên liên quan khác	21.260.423.683	17.075.702.451
Bên thứ ba		
Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	2.270.594.781.473	2.549.808.266.172
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam	550.344.398.768	441.556.254.530
Tổng Công ty Đông Bắc	228.660.413.448	99.485.647.532
TATA International Singapore PTE Limited	154.940.697.270	-
Các nhà cung cấp khác	1.033.575.520.927	755.572.003.250
	4.260.446.036.627	3.864.809.168.154
Số có khả năng trả nợ	4.260.446.036.627	3.864.809.168.154

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	93.048.397.297	1.103.706.440.496	(1.137.472.005.112)	(1.800.660.309)	57.482.172.372
Thuế nhà thầu	9.874.077.902	28.302.903.485	(30.545.570.607)	-	7.631.410.780
Thuế xuất nhập khẩu	-	35.472.015.944	(35.515.826.885)	43.810.941	-
Thuế tài nguyên	40.920.182.673	418.292.412.681	(425.274.401.641)	(9.589.892)	33.928.603.821
Thuế thu nhập doanh nghiệp	135.774.754.846	258.018.971.848	(171.036.992.528)	6.644.815.527	229.401.549.693
Thuế thu nhập cá nhân	5.767.974.005	14.908.206.097	(18.213.344.878)	2.524.053.492	4.986.888.716
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	43.161.940.714	153.658.262.140	(162.675.342.329)	75.109.656	34.219.970.181
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	20.267.179.322	(20.267.179.322)	-	-
Các loại thuế khác	-	13.585.642.692	(7.227.071.504)	(6.235.536.188)	123.035.000
	328.547.327.437	2.046.212.034.705	(2.008.227.734.806)	1.242.003.227	367.773.630.563

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thu trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	223.452.682	223.452.682
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	332.204.954	332.204.954
Thuế thu nhập cá nhân	2.250.952.123	(987.313.883)	-	577.014.886	1.840.653.126
Thuế tài nguyên	9.589.892	-	-	(9.589.892)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	43.810.941	43.810.941
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	-	-	-	75.109.656	75.109.656
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	49.625	-	-	-	49.625
	2.260.591.640	(987.313.883)	-	1.242.003.227	2.515.280.984

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả khác

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Lãi vay, phí vay lại và thuế nhà thầu phải trả	779.538.645.082	873.202.030.132
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	161.508.746.312	156.962.849.626
Phải trả từ bán cổ phần	6.919.519.000	43.171.192.020
Chi phí chuyên gia	-	14.680.695.065
Phải trả khác	133.744.673.637	83.794.307.230
	<hr/>	
	1.081.711.584.031	1.171.811.074.073
	<hr/>	

Chi tiết các khoản phải trả khác cho bên liên quan là:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	779.538.645.082	873.945.409.339
Các bên liên quan khác	130.916.839.594	116.070.726.297
	<hr/>	
	910.455.484.676	990.016.135.636
	<hr/>	

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019 VND	Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá VND	31/12/2019 VND
		Tăng VND	Giảm VND		
Vay dài hạn đến hạn trả	5.473.408.154.411	5.361.662.886.900	(5.489.914.611.609)	3.175.659.306	5.348.332.089.008
Vay ngắn hạn	-	815.828.000.703	(790.797.675.680)	-	25.030.325.023
Số có khả năng trả nợ	5.473.408.154.411				5.373.362.414.031

(b) Vay dài hạn

	1/1/2019 VND	Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá VND	31/12/2019 VND
		Tăng VND	Giảm VND		
Vay dài hạn	55.671.143.786.388	470.731.989.040	(5.361.662.886.900)	41.272.990.185	50.821.485.878.713

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay từ các tổ chức				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1</i>				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	87.728.633.890	103.604.510.566
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	1.598.000.000.000	1.974.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	1.291.999.389.408	1.516.694.935.392
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	210.000.000.000	250.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	VND	2021	39.417.118.612	70.905.118.612
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	2019	-	92.068.364.311
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	-	110.684.549.761
<i>Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Thành	VND	2026	283.678.850.123	258.153.558.834
<i>Dự án Điện Mặt trời Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Hà Nội (*)	VND	2031	389.086.697.247	-
			3.899.910.689.280	4.376.111.037.476

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1</i>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á (**)	USD	2032	427.483.250.258	444.445.836.309
Ngân hàng Phát triển Châu Á (**)	USD	2034	18.671.848.548.822	19.206.808.016.325
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc (**)	USD	2028	8.047.179.258.796	8.999.713.746.007
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	5.575.010.381.641	6.275.936.541.397
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2027	1.492.127.865.941	1.688.212.359.504
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	13.249.673.395.282	14.731.365.464.567
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	79.720.990.095	89.444.501.596
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	61.372.252.756	67.338.860.225
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	36.704.803.789	73.457.010.088
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	-	27.989.680.391
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	78.009.490.453	156.119.724.974
<i>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	4.129.360.772.916	4.530.817.037.415
<i>Dự án Đuôi hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa</i>				
Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu	KRW	2028	421.416.267.692	476.792.124.525
			52.269.907.278.441	56.768.440.903.323
			56.169.817.967.721	61.144.551.940.799
Trong đó, thanh toán trong vòng 12 tháng			5.348.332.089.008	5.473.408.154.411

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Lãi suất năm thực tế trong năm của các khoản vay như sau:

- Các khoản vay USD từ 3,31%/năm đến 6,56%/năm (giai đoạn từ ngày 1/10/2018 đến ngày 31/12/2018: từ 3,15%/năm đến 6,56%/năm).
 - Các khoản vay VND từ 8,98%/năm đến 9,86%/năm (giai đoạn từ ngày 1/10/2018 đến ngày 31/12/2018: từ 8,98%/năm đến 10,05%/năm).
 - Các khoản vay JPY từ 1,15%/năm đến 2,75%/năm (giai đoạn từ ngày 1/10/2018 đến ngày 31/12/2018: từ 1,15%/năm đến 2,75%/năm).
 - Các khoản vay CNY là 3,40%/năm (giai đoạn từ ngày 1/10/2018 đến ngày 31/12/2018: 3,40%/năm).
 - Các khoản vay KRW là 2,40%/năm trong suốt thời hạn cho vay lại là 13 năm.
- (*) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội được đảm bảo bằng nhà máy điện mặt trời Vĩnh Tân 2 có giá trị còn lại là 643 tỷ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: không).
- (**) Khoản vay từ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc và Ngân hàng Phát triển Châu Á được đảm bảo bằng giá trị của nhà máy Nhiệt điện Mông Dương có giá trị còn lại là 22.753 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: không).

Các khoản vay trực tiếp từ các Ngân hàng thương mại trong nước còn lại được bảo lãnh bởi Công ty mẹ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, và không có tài sản đảm bảo.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND Đã điều chỉnh lại	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND Đã điều chỉnh lại
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2018 (đã báo cáo trước đây)	10.478.234.644.194	6.014.917.945	18.387.593.875	(2.378.304.250.451)	362.518.284.511	15.939.926.044	853.491.634.889	110.593.427.602	339.002.490.764	9.805.878.669.373
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 32)	-	-	-	176.421.580.724	-	-	-	-	-	176.421.580.724
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2018 (đã điều chỉnh lại)	10.478.234.644.194	6.014.917.945	18.387.593.875	(2.201.882.669.727)	362.518.284.511	15.939.926.044	853.491.634.889	110.593.427.602	339.002.490.764	9.982.300.250.097
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp	-	-	-	-	(221.350.148.719)	-	-	-	-	(221.350.148.719)
Điều chuyển về vốn chủ sở hữu	117.061.813.711	-	489.260.687	-	(6.957.646.796)	-	-	(110.593.427.602)	-	-
Khoản để lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	86.143.440.000	-	-	-	-	-	-	-	-	86.143.440.000
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	1.279.815.276.947	-	-	-	-	-	1.279.815.276.947
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(873.538.049.688)	-	20.006.503.049	(853.531.546.639)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(22.565.678.370)	(22.565.678.370)
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	18.255.872.095	-	-	-	-	-	-	-	-	18.255.872.095
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (đã điều chỉnh lại)	10.699.695.770.000	6.014.917.945	18.876.854.562	(922.067.392.780)	134.210.488.996	15.939.926.044	(20.046.414.799)	-	336.443.315.443	10.269.067.465.411

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND Đã điều chỉnh lại	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 (đã điều chỉnh lại)	10.699.695.770.000	6.014.917.945	18.876.854.562	(922.067.392.780)	134.210.488.996	15.939.926.044	(20.046.414.799)	336.443.315.443	10.269.067.465.411
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(71.672.601)	-	(18.413.624)	(90.086.225)
Điều chuyển các quỹ	-	-	26.562.532.904	-	(26.562.532.904)	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	922.067.392.780	-	-	-	-	922.067.392.780
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	34.223.439.056	-	(34.223.439.056)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(13.895.928.218)	(5.654.931.282)	(19.550.859.500)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	857.591.567.729	46.499.136.285	904.090.704.014
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(10.255.063.500)	(10.255.063.500)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	(14.718.119)	(4.801.081)	(19.519.200)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	10.699.695.770.000	6.014.917.945	45.439.387.466	-	141.871.395.148	15.868.253.443	789.411.067.537	367.009.242.241	12.065.310.033.780

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.069.969.577	10.699.695.770.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	1.069.969.577	10.699.695.770.000
Số cổ phiếu đang lưu hành	1.069.969.577	10.699.695.770.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
	Số dư đầu năm	10.699.695.770.000
Khoản để lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	-	86.143.440.000
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	-	18.255.872.095
Điều chuyển về vốn chủ sở hữu	-	117.061.813.711
Số dư cuối năm	10.699.695.770.000	10.699.695.770.000

Chi tiết cổ đông tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2019 và 1/1/2019		
	Vốn cổ phần	Số lượng cổ phần phổ thông	Tỷ lệ %
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	10.613.552.330.000	1.061.355.233	99,19%
Người lao động	14.647.000.000	1.464.700	0,14%
Các cổ đông khác	71.496.440.000	7.149.644	0,67%
	10.699.695.770.000	1.069.969.577	100,00%

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

	Thuyết minh	1/1/2019 VND Đã điều chỉnh lại	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	31/12/2019 VND	
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	3(b)(ii)	922.067.392.780	-	(922.067.392.780)		
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (ii)		-	64.437.336.414	(64.437.336.414)	-	
		922.067.392.780	64.437.336.414	(986.504.729.194)	-	
	Thuyết minh	1/10/2018 VND Đã điều chỉnh lại	Phân loại lại VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	31/12/2018 VND Đã điều chỉnh lại
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	3(b)(ii)	429.098.456.269	371.028.960.470	-	121.939.976.041	922.067.392.780
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ		371.028.960.470	(371.028.960.470)	(143.502.828.713)	143.502.828.713	-
Chênh lệch tỷ giá do xử lý tài chính theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP	3(b)(iii)	1.401.755.252.988	-	102.316.344.579	(1.504.071.597.567)	-
		2.201.882.669.727	-	(41.186.484.134)	(1.238.628.792.813)	922.067.392.780

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Cổ tức

Việc phân phối lợi nhuận tuân theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	22.318.127.773	17.497.494.087
Từ hai đến năm năm	84.203.488.994	74.866.060.886
Sau năm năm	434.889.315.130	280.468.865.098
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	541.410.931.897	372.832.420.071

Cam kết thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền thuê đất tại Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam bao gồm 1 thửa đất thuê trong 38 năm kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012; 1 thửa đất thuê trong 49 năm từ ngày 11 tháng 11 năm 1999 và 3 thửa đất tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam trong 70 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013 và 1 thửa đất tại xã Cẩm Phả, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.
- Tiền thuê đất tại Khu phố Hương Giang, Phường Long Hưng, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam trong 50 năm kể từ ngày 9 tháng 5 năm 2005.
- Tiền thuê văn phòng tại số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	5.715	133.127.365	28.223	653.373.165

(c) Cam kết đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt. Nhóm Công ty sẽ đầu tư 382.524 triệu VND để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác trong năm 2020 (tại ngày 1/1/2019 là 1.553.121 triệu VND).

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Doanh thu tiêu thụ điện	43.724.284.866.521	9.923.521.583.253
Doanh thu bán sản phẩm và dịch vụ khác	392.898.005.523	124.408.642.768
	44.117.182.872.044	10.047.930.226.021

23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Giá vốn sản xuất điện	38.786.701.642.969	8.692.535.637.363
Giá vốn sản phẩm và dịch vụ khác	318.870.495.772	117.317.604.774
	39.105.572.138.741	8.809.853.242.137

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Lãi tiền gửi	291.133.586.586	58.811.476.275
Cổ tức được chia	20.753.790.000	10.211.978.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	12.065.030.985	3.291.547.851
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	21.877.961.479	11.469.999.222
	345.830.369.050	83.785.001.348

25. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Chi phí lãi vay	2.719.469.297.945	699.539.293.509
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	20.525.775.782	1.174.491.410
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	986.504.729.194	1.238.628.792.813
(Hoàn nhập)/tăng dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(14.001.695.060)	10.518.431.180
Chi phí tài chính khác	-	45.085.227
	3.712.498.107.861	1.949.906.094.139

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Chi phí nhân viên	250.150.407.963	43.643.304.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.491.318.994	19.906.261.176
Chi phí khác	221.392.607.011	75.606.680.803
	544.034.333.968	139.156.246.216

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.366.168.612.738	6.669.857.526.291
Chi phí nhân công	875.880.210.324	192.006.937.427
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.759.642.992.439	1.129.473.775.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	489.711.001.631	143.406.271.037
Chi phí sửa chữa lớn	1.230.197.808.954	501.048.517.551
Chi phí khác	928.158.763.466	313.248.145.046

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	249.847.806.038	38.539.224.092
Năm trước	8.176.045.610	105.589.330.674
	258.023.851.648	144.128.554.766
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	26.606.710.591	(26.606.710.591)
	284.630.562.239	117.521.844.175

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	1.188.721.266.253	(736.009.702.464)
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty	237.744.253.251	(147.201.940.493)
Chi phí không được khấu trừ thuế	213.502.445.673	98.346.663.186
Ưu đãi thuế	(74.849.553.375)	-
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(27.041.912.289)	(7.439.341.662)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	-	72.900.716.631
Sử dụng lỗ lũy kế	(72.900.716.631)	(4.648.540.509)
Chi phí thuế TNDN năm trước	8.176.045.610	105.564.287.022
	284.630.562.239	117.521.844.175

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	-	-	364.503.583.155	72.900.716.631

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗi tính thuế bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Nhóm Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của lỗi tính thuế.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành. Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Dự án nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và dự án Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền chi tiết như sau:

(a) Lãi/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Lãi/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	857.591.567.729	(873.538.049.688)

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	1.069.969.577	1.069.969.577

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, Tổng Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	98.734.869.011	31.262.775.465
Vay trong năm	-	1.562.690.839.201
Thanh toán gốc, lãi và phí vay trong năm	6.966.974.995.750	2.968.463.360.784
Lãi vay	2.318.396.952.144	335.257.017.954
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ Phần Thủy điện Thác Bà		
Cổ tức được chia	9.525.000.000	28.575.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A		
Cổ tức được chia	25.200.000.000	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện		
Bán điện	43.723.795.451.967	9.923.521.583.253
Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải		
Cung cấp dịch vụ	-	649.766.000

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh)		
Mua điện	5.197.917.748	712.692.956
Điều chuyển tài sản	25.029.396.590	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc		
Mua dịch vụ	2.191.376.629	2.075.253.137
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Mua dịch vụ	1.736.045.461	966.843.461
Cung cấp dịch vụ	3.760.659.945	214.275.100
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Mua dịch vụ	18.981.382.783	1.021.404.136
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Mua dịch vụ	3.758.733.427	79.410.845
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin – Chi nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam		
Mua dịch vụ	2.960.863.957	1.463.663.543
Chi nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam		
Mua dịch vụ	5.524.502.948	1.352.417.791
Công ty CP Điện Việt Lào		
Cổ tức được chia	3.466.090.000	-
Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2		
Cổ tức được chia	-	6.409.728.000
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại		
Cung cấp dịch vụ	-	1.011.326.364
Chia cổ tức	670.000.000	1.400.300.000
Công ty Nhiệt Điện Nghi Sơn – Chi nhánh Tổng Công ty Phát Điện 1		
Cung cấp dịch vụ	21.374.469.000	-
Công ty truyền tải điện 2		
Mua thiết bị	9.937.685.000	-

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 Cung cấp dịch vụ	225.808.479.004	63.170.861.002
Công ty Nhiệt điện Thái Bình Cung cấp dịch vụ	86.704.409.025	31.903.449.000
Hội đồng quản trị (Bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập, thành viên chuyên trách) Thu nhập	1.101.210.000	73.773.000
Ban Tổng giám đốc Thu nhập	3.322.134.000	215.775.000
Cán bộ cấp quản lý khác Thu nhập	6.836.572.000	1.923.749.500

31. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Năm kết thúc 31/12/2019 VND	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND
Tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang mua chưa thanh toán	161.574.232.568	111.939.835.662
Điều chuyển tài sản chưa thu tiền	25.029.396.590	-
Bù trừ gốc vay phải trả EVN và phải thu công ty Mua bán điện	4.501.807.692.513	2.594.577.542.666
Bù trừ lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu phải trả EVN và phải thu công ty Mua bán điện	2.401.786.423.160	322.758.109.144
Xây dựng cơ bản dở dang chuyển sang chi phí trả trước	326.266.187.207	-
Xây dựng cơ bản dở dang chuyển (từ)/sang hàng tồn kho	(127.916.182.505)	335.748.162
Cổ tức được chia phải thu nhưng chưa thu được từ Công ty liên kết và Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	56.228.790.000	52.984.728.000
Cổ tức đã thông báo nhưng chưa trả	6.767.019.384	15.434.193.904
Bù trừ Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam và phải thu công ty Mua bán điện	-	74.444.898.826
Vốn cổ phần giữ lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	-	86.143.440.000
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	-	18.255.872.095

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (năm tài chính đầu tiên của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần – thuyết minh 2(c)), ngoại trừ các số liệu sau đã được điều chỉnh lại.

Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã tiến hành điều chỉnh hồi tố số liệu liên quan đến doanh thu, chi phí tài chính, xây dựng cơ bản dở dang và chênh lệch tỷ giá hối đoái trước thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần (ngày 1 tháng 10 năm 2018), chi tiết như sau:

- Điều chỉnh tăng doanh thu tiền điện năm 2017 theo giá trị chênh lệch tỷ giá thực hiện năm 2017 của các nhà máy điện theo Quyết định số 841/QĐ-BCT ngày 05/4/2019 của Bộ Công Thương với số tiền là 280.094.882.933 VND.
- Điều chỉnh giảm một phần chi phí lãi vay vốn hóa trong năm 2013 của Dự án Nhà máy thủy điện Bản Chát theo văn bản số 7261/EVN-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (dựa trên thông báo số 404/TB-KTNN ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước) với số tiền là 94.012.593.377 VND.
- Điều chỉnh giảm một phần chi phí lãi vay vốn hóa từ năm 2010 đến trước 30 tháng 9 năm 2018 của Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Vĩnh Tân theo biên bản thẩm tra phê duyệt quyết toán ngày 6 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam với số tiền là 9.660.708.832 VND.
- Điều chỉnh tăng phân bổ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (thuyết minh 3(b) (ii)) với số tiền là 176.421.580.724 VND.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2019 Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh VND	1/1/2019 Đã điều chỉnh lại VND
Phải thu của khách hàng	8.411.364.732.038	280.094.882.933	8.691.459.614.971
Xây dựng cơ bản dở dang	2.670.721.176.014	(9.660.708.832)	2.661.060.467.182
Phải trả khác	1.077.798.480.696	94.012.593.377	1.171.811.074.073
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.098.488.973.504)	176.421.580.724	(922.067.392.780)

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Vũ Thị Thanh Hải
 Người lập biểu



Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
 M.S.D.N. 502208399-C.T.C.P
 TÔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP
 QUẢNG BÌN
 Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc

